# CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NHẬT BẢN VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

**NGUYỄN HẢI YẾN** *

***Nhân phẩm và danh dự là những giá trị cốt lõi của quyền con người được ghi nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế và hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam và Nhật Bản. Nghiên cứu các quy định của Bộ luật Hình sự Nhật Bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cho thấy, nhiều điểm khác biệt so với pháp luật hình sự Việt Nam về kỹ thuật lập pháp, định danh tội phạm và cấu trúc trách nhiệm hình sự, trong đó có nhiều ưu điểm cần tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự ở Việt Nam. Bài viết phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự Nhật Bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, đồng thời, đối chiếu với quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự Việt Nam, từ đó, rút ra một số kinh nghiệm lập pháp và gợi mở chính sách hình sự phục vụ quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự.***

***Từ khóa:*** *Tội phạm; nhân phẩm; danh dự; Bộ luật Hình sự Nhật Bản; Bộ luật Hình sự Việt Nam.*

***Human dignity and honor are fundamental human rights values recognized in international legal instruments and the legal systems of many countries, including Vietnam and Japan. An examination of the provisions of the Japanese Penal Code on crimes against human dignity and honor reveals significant differences from Vietnamese criminal law in legislative techniques, crime classification, and the structure of criminal liability, many of which offer valuable lessons for improving Vietnam's criminal law. This article analyzes the relevant provisions of the Japanese Penal Code, compares them with the corresponding provisions of the Vietnamese Criminal Code, and draws legislative lessons and criminal policy implications to support the amendment and supplementation of the Vietnamese Criminal Code.***

***Keywords:*** *Crimes; human dignity; honor; Japanese Penal Code; Vietnamese Criminal Code.*

**NGÀY NHẬN: 12/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 25/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026**

Email: nguyenyen1131293@gmail.com

**DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1590**

## 1. Đặt vấn đề

Trong pháp luật hình sự, việc hình sự hóa các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự vừa nhằm bảo vệ quyền nhân thân cơ bản của cá nhân, vừa góp phần duy trì trật tự xã hội, củng cố các chuẩn mực đạo đức và bảo đảm môi trường pháp lý lành mạnh cho sự phát

* *NCS, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội*

triển của con người. Việt Nam và Nhật Bản đều coi nhân phẩm, danh dự là giá trị pháp lý trung tâm, thể hiện qua việc ghi nhận và thiết lập các chế tài hình sự tương ứng đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong *Bộ luật Hình sự*. Nhật Bản và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về nền tảng văn hóa Á Đông, tạo điều kiện cho việc tiếp thu kinh nghiệm lập pháp.

Việc so sánh một cách hệ thống quy định của *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản với *Bộ luật Hình sự* Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt về quan niệm nhân phẩm, danh dự trong chính sách hình sự; chỉ ra các hạn chế trong kỹ thuật lập pháp, quy định về cấu thành tội phạm và về trách nhiệm hình sự của Việt Nam; gợi mở các hướng hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

## 2. Quy định của *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Nhật Bản đặc biệt coi trọng các quyền con người, Điều 13 *Hiến pháp* Nhật Bản quy định: "mọi người dân đều được tôn trọng như những cá nhân riêng biệt" và "quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của họ phải được tôn trọng tối đa", quy định này đã trở thành nền tảng pháp lý quan trọng chi phối toàn bộ hệ thống pháp luật Nhật Bản trong bảo vệ nhân phẩm và danh dự con người. Theo đó, tinh thần "tôn trọng cá nhân" không chỉ có ý nghĩa tuyên ngôn mang tính giá trị mà còn được thể hiện cụ thể trong hoạt động lập pháp và thực tiễn xét xử hình sự.

Trong *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người không chỉ được quy định trong một chương riêng mà còn được phân bố xuyên suốt nhiều chương, điều luật với các hành vi xâm hại nhân thân khác nhau. Cụ thể, tội vu khống được quy định tại Chương XXI, Điều 172; các tội phạm tình dục - nhóm tội liên quan trực tiếp đến sự bất khả xâm phạm về thân thể và nhân phẩm tình dục được quy định tập trung trong Chương XXII, từ Điều 174 - Điều 177; các tội bắt cóc và mua bán người, xâm phạm nghiêm trọng quyền tự do, nhân phẩm và giá trị con người như một mục đích tự thân được quy định tại Chương XXXIII, từ Điều 224 - Điều 228; đặc biệt, các tội nói xấu người khác, sỉ nhục người khác, hành vi trực tiếp xâm phạm danh dự được quy định tại Chương XXXIV, Điều 230 và Điều 231.

Điều 172 *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định: "Tội vu khống là hành vi của bất kỳ người nào đưa ra lời buộc tội, cáo buộc hoặc tuyên bố sai sự thật với mục đích khiến người khác phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc kỷ luật" thì bị phạt tù không dưới 3 tháng nhưng không quá 10 năm.

Chương XXII *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định một hệ thống tội phạm về tình dục, trong đó có một số tội liên quan trực tiếp đến nhân phẩm, danh dự của con người: (1) Tội dâm ô nơi công cộng (Điều 174); (2) Tội phát tán tài liệu khiêu dâm (Điều 175); (3) Tội dâm ô trái ý muốn (Điều 176); (4) Tội quan hệ tình dục không có sự đồng thuận (Điều 177).

*Bộ luật Hình sự* Nhật Bản được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 và 2023 đã tạo nên bước chuyển căn bản trong việc định tội và xử lý tội phạm tình dục. Năm 2017, lần sửa đổi lớn đầu tiên sau hơn một thế kỷ đã điều chỉnh đáng kể cấu trúc tội danh bằng việc đổi tên "tội cưỡng hiếp" thành tội "cưỡng bức quan hệ tình dục", mở rộng phạm vi hành vi giao cấu bằng đường âm đạo sang cả xâm nhập qua đường hậu môn và miệng, thừa nhận nam giới cũng có thể là nạn nhân của tội phạm; đồng thời, tăng mức hình phạt đối với nhóm tội này. Đến năm 2023, nhằm bảo vệ tốt hơn quyền tự do tình dục, pháp luật tiếp tục được sửa đổi thông qua việc đổi tên tội danh để nhấn mạnh yếu tố "không đồng thuận";, đồng thời, tại Điều 176 ghi nhận 8 nhóm tình huống làm phát sinh trạng thái không đồng thuận của nạn nhân.

Lần sửa đổi năm 2023 được đánh giá là bước tiến mang tính bản chất giúp khắc phục hạn chế của mô hình "bạo lực - đe dọa" trước

đây và đưa hệ thống pháp luật Nhật Bản tiến gần hơn đến các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ quyền nhân phẩm và quyền tự quyết tình dục của con người. Chương XXXIII của *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định về các tội bắt cóc và các tội phạm liên quan, trong đó có nhóm tội mua bán người (các tội giữ người trái pháp luật hay bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản không thuộc phạm vi nghiên cứu của bài viết này). Theo đó, tại Điều 226-2 quy định: người nào mua bán người khác thì bị phạt tù từ 3 tháng - 5 năm; người nào mua bán người chưa thành niên thì bị phạt tù từ 3 tháng - 7 năm; người mua người khác vì mục đích trục lợi, đồi trụy, kết hôn cưỡng ép hoặc đe dọa tính mạng, thân thể thì bị phạt tù từ 01 - 10 năm; trường hợp bán hoặc mua người để đưa ra nước ngoài thì bị phạt tù từ 2 năm trở lên.

Điều 226-3 và Điều 227 tiếp tục hình sự hóa các hành vi vận chuyển, giao nhận, che giấu người bị bắt cóc hoặc bị mua bán với nhiều khung hình phạt khác nhau tùy theo mục đích và mức độ nguy hiểm.

Hai điều luật trung tâm về xâm phạm danh dự trong *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản là Điều 230 (nói xấu người khác) và Điều 231 (sỉ nhục): theo đó, nội dung sự việc có thể là thật hoặc bịa đặt đều không quan trọng mà việc "làm giảm uy tín xã hội" của người khác là đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Pháp luật hình sự Nhật Bản cũng có điểm quy định khá đặc thù, như: người nào nói xấu người đã chết thì không bị xử phạt, trừ khi việc nói xấu đó có căn cứ gian dối. Như vậy, nói xấu người đã chết cũng có thể bị xử phạt.

*Tội sỉ nhục người khác - Điều 231 Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định: "công khai sỉ nhục người khác" mà không nêu rõ sự việc cụ thể. Điểm phân biệt giữa nói xấu và sỉ nhục là sỉ nhục không đưa ra thông tin hay sự kiện nào về người bị hại mà chỉ thể hiện sự khinh miệt bằng những từ ngữ chung chung. Hành vi phải diễn ra ở nơi công cộng hoặc trước nhiều người; nếu chỉ nói thầm riêng tư thì không bị coi là "công khai". Tội sỉ nhục cũng không yêu cầu hậu quả cụ thể; việc nạn nhân bị xúc phạm danh dự là đủ để cấu thành tội phạm.

## 3. So sánh pháp luật hình sự Việt Nam và Nhật Bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

*3.1. Điểm tương đồng*

*Thứ nhất,* pháp luật Việt Nam và Nhật Bản nói chung đều ghi nhận nhân phẩm, danh dự là những giá trị pháp lý cốt lõi gắn liền với quyền con người. Ở Việt Nam, Điều 20 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm". Tinh thần này được cụ thể hóa trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đặc biệt tại Chương XIV - "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của con người" bao gồm các tội xâm hại tình dục (Điều 141, Điều 142, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147), nhóm tội mua bán, chiếm đoạt người, bộ phận cơ thể người (Điều 150, Điều 151, Điều 152, Điều 152, Điều 154), các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự khác (Điều 155, Điều 156).

Tương tự, *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định các tội nói xấu người khác (Điều 230), nhục mạ (Điều 231), các tội xâm hại tình dục (Điều 176, 177) và các tội mua bán người (Điều 226-2, 226-3, 227) nhằm bảo vệ nhân phẩm, uy tín và quyền tự do thân thể, tình dục của cá nhân.

*Thứ hai,* về mục đích, pháp luật hình sự Việt Nam và Nhật Bản đều hướng tới việc bảo vệ trật tự xã hội, gìn giữ các giá trị đạo đức chung và đặc biệt là bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người như những lợi ích pháp lý cơ bản. Cả hai hệ thống pháp luật đều thống nhất quan điểm, chỉ cần có sự tổn hại về mặt tinh thần hoặc hành vi xúc phạm uy tín, danh dự cá nhân thì đã đủ căn cứ để cấu thành tội phạm trong nhóm tội xâm phạm danh dự mà không cần phải chứng minh thiệt hại vật chất cụ thể. Cách tiếp cận này cho thấy, sự thừa nhận chung rằng danh dự và nhân phẩm là những giá trị đặc biệt quan trọng, bất khả xâm phạm và cần được pháp luật hình sự bảo vệ một cách độc lập, không phụ thuộc vào việc có hay không thiệt hại về tài sản hoặc vật chất.

*3.2. Điểm khác biệt về kỹ thuật lập pháp, cấu thành tội phạm và hình phạt*

*Một là,* về kỹ thuật lập pháp. *Bộ luật Hình sự* Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) quy định nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Chương XIV: "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của con người", bao gồm các tội xâm hại tình dục, tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, tội làm nhục người khác, tội vu khống… Trong khi đó, *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định các tội có cùng đối tượng bảo vệ (nhân phẩm, danh dự, quyền tự do tình dục) rải rác trong nhiều chương khác nhau của phần các tội phạm.

*Bộ luật Hình sự* Nhật Bản phân tán các quy định liên quan đến nhân phẩm, danh dự trong nhiều chương khác nhau, tương ứng với các nhóm khách thể trực tiếp (tình dục, tự do thân thể, danh dự, trật tự công cộng...). Cách tiếp cận này thể hiện quan niệm coi nhân phẩm là một giá trị xuyên suốt, hiện diện trong nhiều nhóm tội phạm.

Trong khi đó, *Bộ luật Hình sự* Việt Nam tập trung các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm vào một chương riêng (Chương XIV), nhưng về trật tự sắp xếp vẫn tồn tại sự chưa phù hợp về khách thể của tội phạm: Điều 123 - 133 quy định về các tội xâm phạm tính mạng, từ Điều 134 - 140 quy định về các tội xâm phạm về sức khoẻ, từ Điều 141 - 147 quy định về các tội phạm về tình dục, rồi đến các tội lây truyền HIV (Điều 148, 149) về bản chất xâm phạm sức khoẻ nhưng lại đứng giữa nhóm tội xâm hại tình dục (Điều 141-147) và nhóm tội phạm về mua bán người (từ Điều 150 - 154). Việc xếp các tội danh như vậy chưa phù hợp và chưa chặt chẽ về mặt khoa học lập pháp.

*Hai là, về các yếu tố cấu thành tội phạm.*

*Bộ luật Hình sự* Nhật Bản tiếp cận các tội xâm hại tình dục trên cơ sở nguyên tắc đồng thuận, coi "thiếu sự đồng thuận" của nạn nhân là dấu hiệu cốt lõi để định tội. Theo các Điều 176, 177 của pháp luật Nhật Bản, liệt kê cụ thể những tình trạng mà nạn nhân không thể bày tỏ thái độ hoặc thực hiện ý chí phản đối, như: bị bạo lực, đe dọa, khuyết tật tâm thần, say rượu, sử dụng chất kích thích, ngủ, bất tỉnh, hoảng loạn, hoặc lệ thuộc về tâm lý, kinh tế, xã hội. Trong các trường hợp này, chỉ cần người phạm tội lợi dụng tình trạng đó để thực hiện hành vi dâm ô hoặc giao cấu thì đã cấu thành tội, không đòi hỏi phải chứng minh hành vi chống cự hoặc phản kháng cụ thể của nạn nhân.

Trong khi đó, *Bộ luật Hình sự Việt Nam* về các tội phạm hiếp dâm (Điều 141, Điều 142) vẫn chủ yếu dựa trên các dấu hiệu truyền thống, như: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ của nạn nhân gắn với yêu cầu chứng minh hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục là "trái ý muốn" của nạn nhân. Cách tiếp cận này chưa bao quát đầy đủ các tình huống nạn nhân bị ép buộc tinh vi, bị đe dọa gián tiếp, bị lừa dối, nhầm lẫn về nhân thân của người phạm tội hoặc rơi vào trạng thái không có khả năng đưa ra sự đồng thuận thực sự. Thực tiễn áp dụng cho thấy, việc chứng minh yếu tố "trái ý muốn" gặp nhiều khó khăn, dễ dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Bản chất của hiếp dâm là sự vi phạm quyền tự do tình dục và trọng tâm của hành vi phạm tội nằm ở việc thực hiện quan hệ tình dục mà không có sự đồng ý mang tính tự nguyện, tự do và đầy đủ của nạn nhân theo Khuyến nghị chung số 35 của Ủy ban CEDAW (năm 2017) cập nhật và thay thế Khuyến nghị chung số 19 (năm 1992) về bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ. Do đó, việc chuyển trọng tâm cấu thành tội phạm từ tiêu chí "trái ý muốn" sang tiêu chí "thiếu sự đồng thuận" như cách tiếp cận của *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản, không chỉ phù hợp với bản chất pháp lý của nhóm tội này mà còn tương thích với xu hướng lập pháp hiện đại và các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ quyền con người.

Về phạm vi hành vi nói xấu người khác, sỉ nhục người khác. *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản quy định cả trường hợp công bố thông tin đúng sự thật nhưng làm giảm uy tín của người khác, trừ khi việc công bố phục vụ lợi ích công

cộng và nội dung được chứng minh là đúng. Việt Nam chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi "bịa đặt điều sai sự thật" hoặc "lan truyền điều biết rõ là sai sự thật" nhằm xúc phạm danh dự, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác (Điều 156). Nếu thông tin là thật, chủ thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ có thể bị kiện dân sự. Như vậy, pháp luật Nhật Bản chú trọng đến hậu quả xã hội đối với uy tín, danh dự thì pháp luật Việt Nam chú trọng đến tính sai sự thật và mục đích của chủ thể nhằm làm nhục người khác.

Về hành vi khách quan của nhóm tội mua bán người. *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản hình sự hóa cả chuỗi hành vi: dụ dỗ, bắt cóc, mua bán, vận chuyển, che giấu, giao nhận người bị bắt cóc hoặc bị mua bán; mỗi mắt xích đều được cấu thành thành tội phạm độc lập. *Bộ luật Hình sự* Việt Nam tập trung vào hành vi mua bán người (chuyển giao - tiếp nhận) với các mục đích bóc lột, trục lợi, cưỡng bức lao động, tình dục... Các hành vi trung gian thường chỉ bị xử lý dưới dạng đồng phạm hoặc tội khác, dẫn đến khoảng trống nhất định trong phòng, chống mua bán người xuyên quốc gia.

Về loại hình phạt và mức hình phạt. Đối với nhóm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm, pháp luật hình sự Nhật Bản quy định khung hình phạt ở mức tương đối thấp. Cụ thể, mức hình phạt cao nhất đối với tội nói xấu người khác là 3 năm tù, trong khi tội sỉ nhục người khác chỉ bị áp dụng mức hình phạt tối đa là 1 năm tù. Cách tiếp cận này cho thấy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong pháp luật Nhật Bản chủ yếu mang tính định hướng hành vi hơn là nhấn mạnh yếu tố nghiêm trị đối với hành vi phạm tội. Ngược lại, *Bộ luật Hình sự* Việt Nam quy định các khung hình phạt nghiêm khắc hơn đối với cùng một nhóm hành vi. Theo đó, tội làm nhục người khác (Điều 155) có mức hình phạt cao nhất lên đến 5 năm tù, còn tội vu khống (Điều 156) có mức hình phạt cao nhất là 7 năm tù. Việc thiết lập các khung hình phạt với mức trần tương đối cao phản ánh sự khác biệt đáng kể trong chính sách hình sự của Việt Nam so với Nhật Bản, thể hiện quan điểm coi các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ cao hơn và cần được xử lý nghiêm khắc bằng biện pháp hình sự.

Đối với các tội xâm hại tình dục, pháp luật hình sự Nhật Bản lựa chọn cách tiếp cận theo hướng quy định mức hình phạt khởi điểm tương đối cao. Điển hình là tội giao cấu không có sự đồng thuận với mức hình phạt tối thiểu là 5 năm tù. Cách thiết kế khung hình phạt này thể hiện định hướng lập pháp coi các hành vi xâm hại tình dục là những hành vi xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến các quyền nhân thân cơ bản, đòi hỏi sự lên án và trừng trị nghiêm khắc ngay từ ngưỡng thấp nhất của khung hình phạt. Trong khi đó, *Bộ luật Hình sự* Việt Nam xây dựng các khung hình phạt đối với nhóm tội xâm hại tình dục theo hướng có biên độ rộng hơn, với mức tối thiểu thấp hơn so với pháp luật của Nhật Bản. Cách tiếp cận này tạo điều kiện cho việc cá thể hóa hình phạt trong quá trình áp dụng pháp luật, phù hợp với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Tuy nhiên, sự chênh lệch đáng kể về mức tối thiểu của khung hình phạt cũng đặt ra yêu cầu tăng cường các cơ chế bảo đảm tính thống nhất và nhất quán trong thực tiễn xét xử.

### 4. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

*Thứ nhất,* về kỹ thuật lập pháp. Hiện nay, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định tập trung tại Chương XIV ( từ Điều 123 - 156). Trong đó, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự là các tội từ Điều 141 - 156. Việc quy định tập trung tại một chương phù hợp với truyền thống lập pháp để không làm thay đổi kết cấu của *Bộ luật Hình sự.* Theo đó, nên giữ nguyên cách quy định hiện tại nhưng sắp xếp cho phù hợp đối với các tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) và tội cố ý lây truyền HIV cho người khác (Điều 149).

*Thứ hai,* đối với nhóm tội xâm hại tình dục, đề xuất đổi cụm từ "trái ý muốn" trong tội hiếp dâm thành "không có sự đồng ý" của nạn nhân giúp khắc phục những bất cập đang

tồn tại trong thực tiễn, đặc biệt trong các trường hợp nạn nhân bị tê liệt tâm lý, bị ép buộc tinh thần, không thể hoặc không dám chống cự hoặc đối với nạn nhân là trẻ em, người yếu thế, người khuyết tật, tâm thần. Cách tiếp cận mới này phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền con người, tương thích với Công ước CEDAW và Công ước về quyền trẻ em; đồng thời, bảo đảm sự bảo vệ đầy đủ hơn đối với quyền bất khả xâm phạm về tình dục và nhân phẩm của con người trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Mặt khác, dưới góc độ tố tụng, việc thay thế tiêu chí "trái ý muốn" bằng "không có sự đồng ý" cho phép xác định hành vi phạm tội trên cơ sở sự vắng mặt của sự tự nguyện thay vì phụ thuộc vào các biểu hiện phản kháng thể hiện sự "trái ý muốn" của nạn nhân. Cách tiếp cận này giúp cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá toàn diện bối cảnh xảy ra hành vi xâm hại, mở rộng phạm vi chứng cứ có thể sử dụng, đặc biệt trong các trường hợp nạn nhân bị khống chế về mặt tâm lý, không có khả năng tự vệ hoặc không thể chống cự. Đồng thời, tiêu chí "không có sự đồng ý" đặc biệt phù hợp đối với các vụ án mà nạn nhân là trẻ em, người yếu thế hoặc người khuyết tật về tâm thần, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ bỏ lọt tội phạm trong thực tiễn tố tụng hình sự.

*Thứ ba,* đối với nhóm các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm thông qua lời nói, thông tin và dữ liệu, đặc biệt trong môi trường mạng, cần tiếp cận chính sách hình sự theo hướng bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ danh dự, nhân phẩm cá nhân và quyền tự do ngôn luận. Kinh nghiệm lập pháp của Nhật Bản cho thấy, việc chú trọng đánh giá mức độ ảnh hưởng xã hội đối với uy tín, danh dự của cá nhân, kết hợp với việc duy trì mức hình phạt không cao, góp phần định hướng hành vi và hạn chế việc lạm dụng chế tài hình sự. Trên cơ sở đó, pháp luật hình sự Việt Nam có thể nghiên cứu điều chỉnh theo hướng mở rộng việc áp dụng các hình phạt không tước tự do, tăng cường vai trò của trách nhiệm dân sự và các biện pháp khắc phục hậu quả; đồng thời, xem xét quy định các căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự đối với những hành vi cung cấp thông tin nhằm phục vụ lợi ích công cộng, có cơ sở xác đáng và được thực hiện với động cơ chính đáng.

## 5. Kết luận

Kết quả so sánh các quy định của *Bộ luật Hình sự* Nhật Bản và *Bộ luật Hình sự* Việt Nam cho thấy, kinh nghiệm lập pháp của Nhật Bản có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự, đặc biệt trong việc bảo đảm quyền tự quyết về thân thể và tình dục, điều chỉnh chính sách hình phạt đối với các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm và nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm mua bán người. Việc tiếp thu các kinh nghiệm này cần được thực hiện trên cơ sở chọn lọc, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống pháp lý và yêu cầu cải cách tư pháp của Việt Nam❐

***Tài liệu tham khảo:***


Bài viết là một phần nội dung nghiên cứu của Luận án tiến sĩ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội: *"Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người"*.

Đinh Văn Quế (2018). *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015, Phần thứ hai - Các tội phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.* Nxb Thông tin và Truyền thông.

*Khuyến nghị chung số 35 của Ủy ban CEDAW (năm 2017) cập nhật và thay thế Khuyến nghị chung số 19 (năm 1992) về bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ.*

Nguyễn Ngọc Hòa (2024). Quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người dưới góc độ kỹ thuật văn bản. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát,* tháng 6/2024, tr. 3 - 9.

Quốc hội (2015, 2017, 2025). *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Takaaki Matsumiya. *Xu hướng nghiên cứu tội phạm học: Thảo luận về việc sửa đổi các điều khoản về tội phạm tình dục.* https://doi.org/10.20621/jjscrim.46.0_121.

Tomoyuki Nishiyama (2024). *20 năm sửa đổi về tội phạm tình dục trong luật hình sự.* Tập san Luật học của Đại học Chiba, tr.191-196.